

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2021

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Phú Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Ông Vũ Ngọc Châu

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Quốc Thông – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tham gia phiên tòa:

Bà Ngô Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, lúc 09 giờ 00 phút tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 699/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 319/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 336/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/12/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Q, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số 6/16 đường T, phường L, Quận I, Thành phố M.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông A, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số 493 đường S, Phường B, Quận C, Thành phố M.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hòa giải nguyên đơn bà Q trình bày như sau: Bà và ông A quen biết nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 26/7/2018 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận I, Tp.M cấp. Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà và ông A có 01 con chung tên là K

sinh ngày 27/10/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống nhà mẹ vợ, tại địa chỉ 6/16 đường T, phường L, Quận I, Tp. M, cuộc sống thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không thể hòa hợp, không có khả năng hàn gắn, nên đã sống ly thân với ông A từ đầu năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A. Hiện nay bà làm công việc trang điểm, tự do và chủ động về thời gian, ngày nào có công việc nhiều thì ông bà ngoại là người giữ trẻ Khang, tuy nhiên không phải lúc nào bà cũng bận, trung bình một ngày thời gian bà ở với con là 12 giờ.

Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ K sinh ngày 27/10/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/9/2020 bị đơn ông A trình bày: Ông và bà Q quen biết nhau, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, Quận I, Thành phố M theo Giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 26/7/2018. Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà Q có 01 con chung tên là K, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2018. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại gia đình nhà bà Q. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu bình thường, đến tháng 3 năm 2020 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, nên ông đồng ý ly hôn với bà Q. Về con chung, ông đồng ý giao trẻ K cho bà Q nuôi dưỡng. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi hòa giải ngày 22/9/2020 ông A trình bày: Ông xác nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không thể hàn gắn được nên ông đồng ý ly hôn với bà Q. Về con chung ông yêu cầu giữ nuôi trẻ K vì ông cho rằng bà Q dành nhiều thời gian đi chơi với người khác, trẻ K thường do bà ngoại chăm sóc. Hiện tại ông đang làm công việc quản lý khách sạn ở huyện Bình Chánh, thời gian làm việc từ 07 giờ đến 15 giờ hàng ngày, sau thời gian này ông sẽ dành toàn bộ thời gian chăm sóc con. Trong thời gian ông đi làm thì trẻ K sẽ do bà nội hoặc bà ngoại chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bà Q có đơn xin xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Ông A có đơn xin xử vắng mặt và giữ yêu cầu theo biên bản hòa giải ngày 22/9/2020.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn của bà Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông A là phát sinh tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét bị đơn ông A có hộ khẩu thường trú tại Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án và tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/10/2020 và ngày 19/11/2020, bị đơn là ông A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành lập biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Xét nguyên đơn và bị đơn cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Về các yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 57, ngày 26/7/2018 do Ủy ban nhân dân phường L, Quận I, Tp. M cấp thì bà Q và ông A có mối quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/9/2020 bà Q và ông A cùng có yêu cầu thuận tình ly hôn.

Căn cứ khoản 1 điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình qui định: *“Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn”*.

Xét bà Q, ông A cùng tự nguyện yêu cầu được thuận tình ly hôn và yêu cầu này là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Xét yêu cầu của bà Q về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trẻ K sinh ngày 27/10/2018. Căn cứ vào khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con...”*. Căn cứ công văn số 362/UBND ngày 25/11/2020 của Ủy ban nhân dân phường L, Quận I với nội dung, trẻ K sinh ngày

27/10/2018 đang sinh sống tại nhà số 6/16 đường T, phường L, Quận I và đây cũng là nơi cư trú sinh sống của bà Q.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy trẻ K hiện đang dưới 36 tháng tuổi, bà Q đang là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng trẻ K, bà đang làm công việc là chuyên viên trang điểm, có thu nhập và tự do về thời gian làm việc, chủ động trong việc chăm sóc con. Do đó yêu cầu trực tiếp nuôi con của bà Q là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con: đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 196, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, Điều 227, Điều 238, khoản 1 và khoản 2 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 54, Điều 57 và khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và lệ phí và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông A được thuận tình ly hôn

- Về con chung: Giao trẻ K sinh ngày 27/10/2018 cho bà Q giữ nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có quyền quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi giữ hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng bà Q phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai số AA/2019/0007731 ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3. Bà Q đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Q và ông A có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 3;
- Ủy ban nhân dân P.L, Quận I;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (10b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Phú Oanh